

THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

VN-Index tiếp tục tăng hơn 7 điểm trong ngày hôm nay và đóng cửa tại mốc 1,339.81 điểm. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tích cực với 15/18 ngành tăng điểm, trong đó ngành Hàng & dịch vụ công nghiệp tăng mạnh nhất. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này bán ròng hơn 1 nghìn tỷ đồng trên sàn HSX. Cây nến rút chân hôm nay là tín hiệu tích cực. Tuy nhiên, VN-Index đang giao dịch trong vùng 1,330 – 1,340 – vùng kháng cự cứng trước khi đà bán tháo trong quá khứ xuất hiện. Chỉ số cần tích lũy thêm tại vùng này để tạo nền giá vững chắc. Nhà đầu tư nên giao dịch cẩn trọng trong những phiên tới.

HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

Các HĐTL tăng theo nhịp vận động của VN30, ngoại trừ VN30F2509, 4111F7000, VN30F2506.

CHỨNG QUYỀN

Trong phiên giao dịch ngày 27/05/2025, các chứng quyền biến động theo xu hướng giằng co của cổ phiếu cơ sở.

ĐIỂM NHẤN

- VN-Index **+7.30** điểm, đóng cửa tại **1339.81** điểm. HNX-Index **+2.38** điểm, đóng cửa tại **221.79** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **HVN (+0.85)**, **VHM (+0.77)**, **BID (+0.74)**, **FPT (+0.59)**, **GVR (+0.52)**.
- Kéo chỉ số giảm: **VPL (-1.12)**, **VCB (-0.38)**, **LPB (-0.20)**, **VNM (-0.14)**, **SSB (-0.13)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **23,652** tỷ đồng, tăng **10.63%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 25,087 tỷ đồng.
- Biên độ dao động: 10.21 điểm. Thị trường có **230** mã tăng, 52 mã tham chiếu, **88** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-1125.02** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **HPG (-156.51 tỷ)**, **VIX (-144.02 tỷ)**, **VIC (-135.96 tỷ)**, **VCB (-99.97 tỷ)**, **NVL (-99.13 tỷ)**. Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **-60.94** tỷ đồng.

DIỄN BIẾN BSC30, BSC50

- BSC30 **+0.66%**. Các mã diễn biến tích cực:
PDR (+6.67%) [\(Link báo cáo\)](#)
KDH (+3.27%)
VIB (+2.19%) [\(Link báo cáo\)](#)
- BSC50 **+1.84%**. Các mã diễn biến tích cực:
HAH (+6.97%) [\(Link báo cáo\)](#)
TCM (+6.96%)
GMD (+6.82%) [\(Link báo cáo\)](#)

Hiệu suất các chỉ số

	BSC30	BSC50	VN Index	VN30 Index
1 ngày	0.66%	1.84%	0.55%	0.25%
1 tuần	1.17%	2.09%	1.88%	1.42%
1 tháng	8.19%	8.59%	9.00%	8.37%
3 tháng	28.82%	-2.14%	2.83%	4.92%

Tổng quan thị trường trong nước

	VNI	HNX	UPCOM
Điểm	1,339.81	221.79	98.14
% 1D	0.55%	1.08%	1.46%
GTKL (tỷ VND)	23,652	1,798	762
%1D	10.63%	45.40%	-4.45%
GDNN (tỷ VND)	-1125.02	-60.94	-11.68

Chi tiết giao dịch khối ngoại

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
FPT	126.90	HPG	-156.51
GMD	105.38	VIX	-144.02
CTD	43.43	VIC	-135.96
KBC	41.86	VCB	-99.97
HVN	34.07	NVL	-99.13

Thị trường thế giới

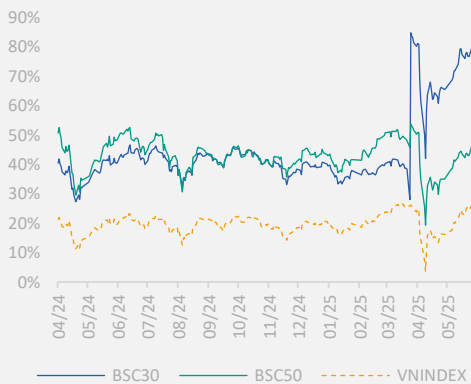
		%D	%W
SPX	5,803	-0.67%	-2.61%
FTSE100	8,809	1.04%	1.26%
Eurostoxx	5,420	0.46%	-0.61%
Shanghai	3,341	-0.18%	-1.18%
Nikkei	37,724	0.51%	0.58%

Nguồn: Bloomberg

	Giá trị	%
Hàng hóa		
Giá dầu Brent	64.73	0.95%
Giá vàng	3,299	-2.26%
Tỷ giá		
USD/VND	26,090	0.00%
EUR/VND	30,353	0.17%
JPY/VND	186	0.00%
Lãi suất		
LS TPCP 10Y	3.2%	0.00%
LS LNH 1M	4.4%	

Nguồn: BSC tổng hợp

Hiệu suất BSC30, BSC50



Nguồn: BSC tổng hợp

Mục lục

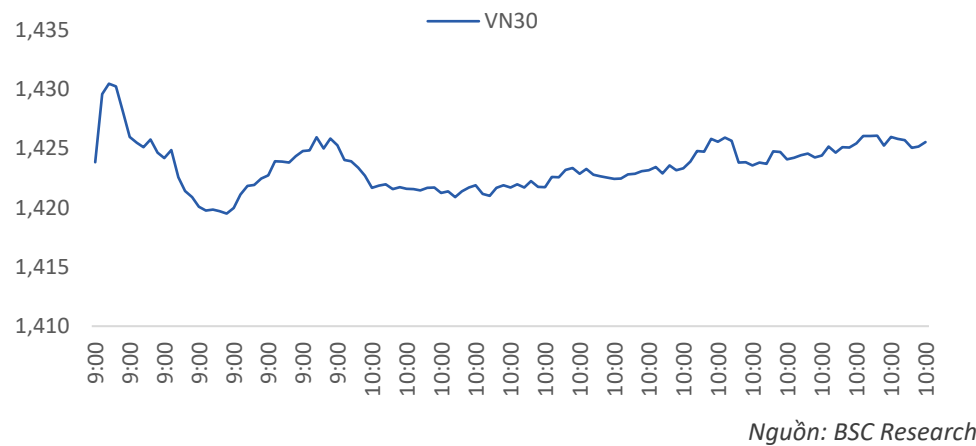
Tổng quan thị trường	Trang 1
Thị trường phái sinh	Trang 2
Thống kê thị trường	Trang 3
Danh mục BSC30	Trang 4
Danh mục BSC50	Trang 5
Báo cáo mới nhất	Trang 6
Khuyến cáo sử dụng	Trang 7



Mở tài khoản tại BSC

THỊ TRƯỜNG HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

VN30-Index Intraday



CK	Đóng	± Ngày (%)	KLGD	± Ngày (%)	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2509	1410.90	-0.21%	51	-73.8%	9/18/2025	114
VN30F2512	1411.70	0.04%	49	-76.7%	12/18/2025	205
41I1F7000	1414.00	-0.13%	441	-68.7%	7/17/2025	51
VN30F2506	1415.50	-0.07%	168,247	-35.9%	6/19/2025	23

Nguồn: FiinproX, BSC Research

Nhận định

- VN30 +3.60 điểm, đóng cửa tại 1427.45 điểm. Biên độ dao động 12.06 điểm. Các cổ phiếu như FPT, VHM, TCB, VIB, SHB tác động tích cực đến nhịp vận động của VN30.
- VN30 đóng cửa trong sắc xanh sau nhịp rung lắc của phiên chiều. Thanh khoản thị trường quanh ngưỡng MA20. Khuyến nghị nhà đầu tư giao dịch thận trọng trong phiên.
- Các HĐTL tăng theo nhịp vận động của VN30, ngoại trừ VN30F2509, 41I1F7000, VN30F2506. Xét về khối lượng, tất cả các HĐTL đều giảm.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành*	Giá CQ*	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Giá hòa vốn*	Giá thực hiện*	Giá CKCS*
CVIB2406	7/28/2025	62	1,228,700	-82.90%	1.90	320	23.1%	4.18	3.18	18.60	18.60
CHDB2501	6/30/2025	34	309,400	-87.23%	2.48	200	17.6%	10.04	2.88	22.55	22.55
CHPG2511	7/21/2025	55	1,000	-84.97%	2.89	240	14.3%	5.68	3.85	25.60	25.60
CVIB2502	10/27/2025	153	170,300	-81.72%	2.10	650	14.0%	8.27	3.40	18.60	18.60
CHPG2514	11/19/2025	176	7,300	-80.13%	3.17	480	11.6%	5.63	5.09	25.60	25.60
CMSN2506	9/19/2025	115	44,400	-80.76%	7.56	470	9.3%	5.63	12.26	63.70	63.70
CSHB2504	11/19/2025	176	435,800	-72.80%	1.34	1,200	9.1%	6.22	3.74	13.75	13.75
CTCB2505	6/30/2025	34	41,900	-75.29%	2.64	2,460	8.8%	13.99	7.56	30.60	30.60
CVIB2407	11/4/2025	161	131,000	-75.16%	1.80	1,410	8.5%	8.42	4.62	18.60	18.60
CVHM2409	8/14/2025	79	1,100	-50.55%	4.20	6,400	7.7%	13.81	36.20	73.20	73.20
CSHB2501	6/26/2025	30	436,200	-64.60%	0.99	2,150	7.5%	7.08	4.87	13.75	13.75
CVHM2509	12/19/2025	206	21,200	-62.41%	5.67	4,370	5.0%	13.54	27.52	73.20	73.20
CHPG2507	6/30/2025	34	53,200	-86.80%	2.96	210	5.0%	11.33	3.38	25.60	25.60
CVHM2408	11/4/2025	161	4,100	-44.64%	3.80	9,180	4.9%	17.37	40.52	73.20	73.20
CFPT2503	3/26/2026	303	81,500	-79.11%	18.00	680	4.6%	10.14	24.80	118.70	118.70
CTCB2501	7/28/2025	62	23,600	-69.93%	2.40	3,400	4.6%	14.11	9.20	30.60	30.60
CSHB2403	6/30/2025	34	167,200	-70.52%	1.23	1,410	4.4%	6.26	4.05	13.75	13.75
CVHM2505	7/21/2025	55	1,200	-60.31%	5.00	4,810	4.1%	13.65	29.05	73.20	73.20
CVIC2503	6/30/2025	34	9,700	-41.51%	4.26	16,790	3.9%	29.72	54.63	93.40	93.40
CVHM2506	9/19/2025	115	108,500	-60.16%	5.11	4,810	3.9%	13.63	29.16	73.20	73.20

Chú thích: Các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất
Lãi suất phi rủi ro là 4.75%

*: Đơn vị 1,000 VND
Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes

- Trong phiên giao dịch ngày 27/05/2025, các chứng quyền biến động theo xu hướng giảm co của cổ phiếu cơ sở.
- CVIB2406 có mức tăng trưởng tốt nhất, ở mức 23.08%. CTCB2503 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 10.09%.
- CVIC2405, CVIC2502, CVIC2503, CVHM2408, CVHM2503 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CVHM2504, CVIC2503, CFPT2402, CVRE2504, CVIC2405 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

Nguyen Giang Anh
anhng@bsc.com.vn

Top CP tác động tích cực VN30

	Giá	±Giá (%)	Điểm
FPT	119.00	1.45%	1.95
VHM	74.30	1.09%	1.17
TCB	30.60	0.82%	0.72
VIB	18.65	2.19%	0.53
SHB	13.80	1.47%	0.44

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top CP tác động tiêu cực VN30

	Giá	±Giá (%)	Điểm
LPB	32.20	-0.92%	-0.52
VNM	55.40	-0.54%	-0.37
MWG	64.30	-0.31%	-0.32
VRE	25.30	-0.78%	-0.26
SSB	18.45	-1.07%	-0.23

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
HVN	40.15	4.15%	0.85	2.21
VHM	74.30	1.09%	0.77	4.11
BID	36.30	1.26%	0.74	7.02
FPT	119.00	1.45%	0.59	1.47
GVR	29.40	1.91%	0.52	4.00

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
CEO	14.60	9.77%	0.48	0.54
HUT	13.30	3.91%	0.29	0.89
NVB	11.30	2.73%	0.23	1.17
PVS	27.20	1.12%	0.09	0.48
TNG	19.50	5.98%	0.09	0.12

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
COM	32.10	7.00%	0.01	0.00
SAV	18.40	6.98%	0.01	0.41
HAH	84.40	6.97%	0.18	2.32
TCM	34.60	6.96%	0.06	4.42
TLD	7.10	6.93%	0.01	2.24

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
CEO	14.60	9.77%	2.92	28.74
L14	30.50	9.71%	0.35	0.51
GDW	36.30	9.67%	0.13	0.00
PIC	25.20	9.57%	0.30	0.00
VC1	9.30	9.41%	0.04	0.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VPL	87.20	-3.11%	-1.12	1.79
VCB	56.80	-0.35%	-0.38	8.36
LPB	32.20	-0.92%	-0.20	2.99
VNM	55.40	-0.54%	-0.14	2.09
SSB	18.45	-1.07%	-0.13	2.85

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
KSV	166.90	-3.75%	-0.78	0.20
DTK	12.60	-4.55%	-0.25	0.68
PVI	55.00	-0.90%	-0.07	0.23
THD	28.10	-0.71%	-0.05	0.38
AAV	7.90	-9.20%	-0.03	0.07

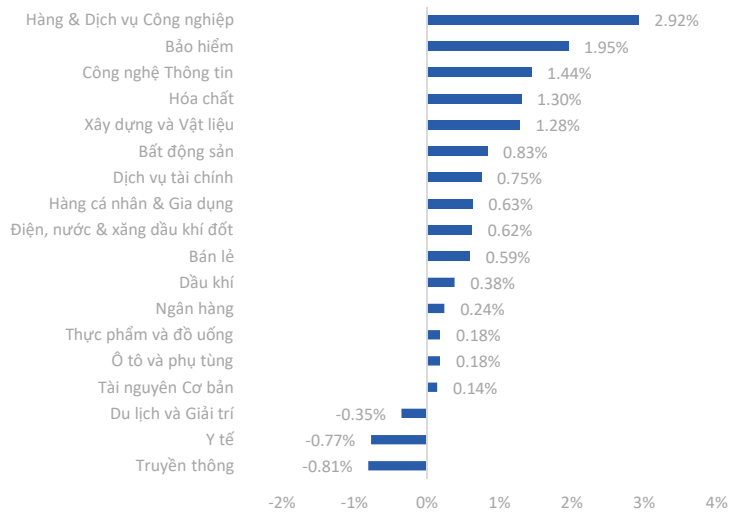
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
CMV	8.65	-6.99%	0.00	0.01
VNE	5.99	-6.99%	-0.01	2.51
HU1	5.86	-6.98%	0.00	0.00
S4A	33.50	-6.94%	-0.02	0.00
CLW	42.35	-6.92%	-0.01	0.00

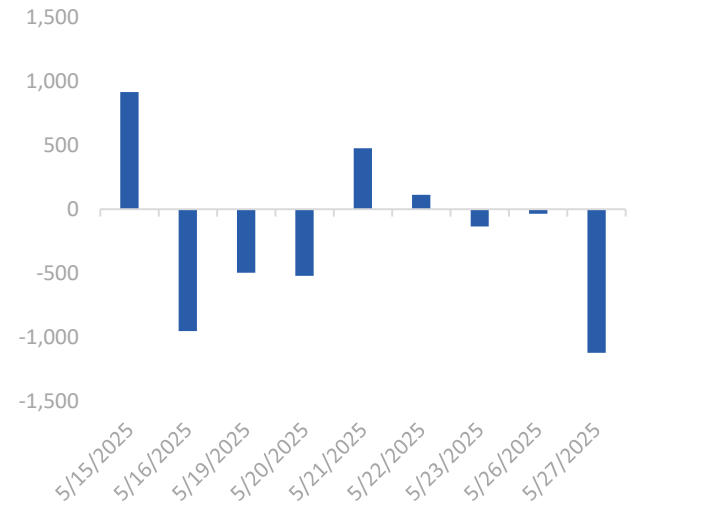
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
TBX	13.90	-9.74%	-0.01	0.00
GLT	29.60	-9.48%	-0.10	0.00
AAV	7.90	-9.20%	-0.19	5.02
BPC	10.10	-9.01%	-0.01	0.00
TMX	10.40	-8.77%	-0.02	0.00

Hình 1
Diễn biến ngành cấp 2



Hình 2
Giao dịch khối ngoại



Nguồn: FiinProX, BSC Research

DANH MỤC BSC30

Cổ phiếu	Ngành	Đóng cửa (1,000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	Giá mục tiêu (VNĐ)	NN sở hữu	Link tải báo cáo
MWG	Bán lẻ	64.3	-0.3%	1.5	95,391	553.2	2,980	21.6		48.0%	
KBC	Bất động sản	27.3	-0.2%	1.4	20,956	219.7	1,629	16.8		17.2%	
KDH	Bất động sản	30.0	3.3%	1.4	29,374	121.8	896	32.4		36.1%	
PDR	Bất động sản	17.6	6.7%	1.8	14,969	429.4	180	91.6	23,600	10.9%	Link
VHM	Bất động sản	74.3	1.1%	0.9	301,895	563.7	7,766	9.5	58,200	11.2%	Link
FPT	Công nghệ Thông tin	119.0	1.5%	0.9	173,760	690.6	5,616	20.9	163,000	41.1%	Link
BSR	Dầu khí	17.7	0.3%	0.0	54,569	37.1	(37)	-478.8		0.3%	
PVS	Dầu khí	27.2	1.1%	1.4	12,857	116.7	2,303	11.7	40,300	15.3%	Link
HCM	Dịch vụ tài chính	26.0	1.0%	1.4	18,503	300.7	1,394	18.4		39.3%	
SSI	Dịch vụ tài chính	23.7	0.4%	1.2	46,300	581.5	1,546	15.3		34.5%	
VCI	Dịch vụ tài chính	37.0	0.0%	1.3	26,570	287.2	1,602	23.1		30.4%	
DCM	Hóa chất	34.4	-1.2%	1.5	18,397	119.5	2,805	12.4	37,800	5.0%	Link
DGC	Hóa chất	91.8	2.0%	1.4	34,180	168.6	8,224	10.9	108,500	14.9%	Link
ACB	Ngân hàng	21.5	-0.2%	0.8	110,438	218.5	3,224	6.7	30,400	30.0%	Link
BID	Ngân hàng	36.3	1.3%	0.8	251,716	127.9	3,643	9.8	47,000	17.6%	Link
CTG	Ngân hàng	39.6	0.9%	1.1	210,772	307.4	4,806	8.2	50,000	27.1%	Link
HDB	Ngân hàng	22.6	0.0%	1.1	78,988	220.5	3,985	5.7		16.8%	
MBB	Ngân hàng	24.8	-0.2%	1.0	151,336	445.1	4,049	6.1	28,200	23.2%	Link
MSB	Ngân hàng	11.7	0.4%	1.0	30,290	174.0	2,150	5.4	14,000	27.5%	Link
STB	Ngân hàng	41.5	-0.1%	1.0	78,331	359.8	5,767	7.2		21.3%	
TCB	Ngân hàng	30.6	0.8%	1.1	214,418	731.6	3,013	10.1	32,700	22.5%	Link
TPB	Ngân hàng	13.4	0.0%	1.0	35,270	151.3	2,383	5.6	-	22.9%	Link
VCB	Ngân hàng	56.8	-0.4%	0.8	476,273	330.7	4,063	14.0		22.2%	
VIB	Ngân hàng	18.7	2.2%	0.9	54,369	266.1	2,400	7.6	23,000	5.0%	Link
VPB	Ngân hàng	18.1	-0.3%	1.0	144,001	417.3	2,030	8.9	24,000	24.5%	Link
HPG	Tài nguyên Cơ bản	25.6	0.0%	1.3	163,424	692.8	1,954	13.1	35,800	22.1%	Link
HSG	Tài nguyên Cơ bản	16.4	0.0%	1.7	10,184	146.5	749	21.9	16,800	8.5%	Link
DBC	Thực phẩm và đồ uống	28.5	0.0%	1.6	9,538	158.0	3,930	7.3	32,200	2.7%	Link
MSN	Thực phẩm và đồ uống	64.0	0.3%	1.4	91,767	316.3	1,518	42.0		24.8%	
VNM	Thực phẩm và đồ uống	55.4	-0.5%	0.7	116,411	204.7	4,194	13.3		48.5%	

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

DANH MỤC BSC50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (1000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	NN sở hữu	ROE (%)	Link
DGW	Bán lẻ	33.7	3.69%	1.6	7,123	85.6	2,098	15.5	18.7%	15.7%	Link
FRT	Bán lẻ	168.1	3.64%	0.7	22,099	71.5	3,279	49.5	32.7%	24.0%	
BVH	Bảo hiểm	52.5	2.14%	1.0	38,155	48.7	2,975	17.3	27.0%	9.7%	
DIG	Bất động sản	17.3	6.81%	1.7	9,849	545.5	321	50.3	3.7%	2.5%	
DXG	Bất động sản	17.8	2.01%	1.7	15,153	526.2	372	46.8	23.7%	2.5%	Link
HDC	Bất động sản	24.3	4.29%	1.5	4,156	194.1	436	53.5	2.9%	3.4%	
HDG	Bất động sản	26.9	2.67%	1.4	8,812	152.1	839	31.2	19.9%	4.6%	Link
IDC	Bất động sản	41.9	-0.24%	1.6	13,860	78.5	4,982	8.4	16.8%	31.2%	
NLG	Bất động sản	36.9	3.94%	1.6	13,670	173.8	1,827	19.4	42.5%	7.4%	Link
SIP	Bất động sản	69.1	0.14%	0.0	14,527	25.5	6,076	11.4	4.7%	29.7%	
SZC	Bất động sản	35.4	0.28%	1.4	6,354	77.5	2,036	17.3	2.5%	11.8%	Link
TCH	Bất động sản	19.8	-0.50%	1.6	13,297	222.7	1,279	15.6	9.9%	9.1%	Link
VIC	Bất động sản	94.5	0.00%	1.1	361,336	632.2	2,823	33.5	7.8%	8.0%	
VRE	Bất động sản	25.3	-0.78%	1.0	57,944	293.5	1,844	13.8	18.6%	10.1%	
CMG	Công nghệ Thông tin	34.6	2.22%	1.2	7,142	36.3	1,654	20.4	36.1%	12.5%	
PLX	Dầu khí	34.8	0.14%	1.1	44,090	36.0	1,535	22.6	17.3%	7.6%	Link
PVD	Dầu khí	18.9	1.89%	1.3	10,312	138.5	1,246	14.9	7.6%	4.4%	Link
FTS	Dịch vụ tài chính	36.7	1.95%	1.6	12,098	172.7	1,650	21.8	27.9%	13.7%	
MBS	Dịch vụ tài chính	27.0	0.37%	1.6	15,408	121.4	1,650	16.3	6.9%	12.9%	
GAS	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	63.7	1.11%	0.9	147,588	49.4	4,543	13.9	1.7%	17.0%	Link
POW	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	13.5	0.00%	1.3	31,615	211.9	546	24.7	3.6%	4.0%	Link
REE	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	72.8	1.25%	0.9	33,866	105.7	4,511	15.9	49.0%	11.4%	Link
VJC	Du lịch và Giải trí	88.4	0.68%	0.7	47,553	64.8	2,783	31.6	12.3%	8.9%	
GEX	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	36.0	2.56%	1.8	31,674	488.8	1,954	18.0	8.8%	12.8%	Link
GMD	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	59.5	6.82%	1.2	23,405	362.3	3,797	14.7	39.4%	11.9%	Link
HAH	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	84.4	6.97%	1.2	10,249	188.9	5,594	14.1	11.6%	25.8%	Link
PVT	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	22.5	1.81%	1.2	7,850	98.7	3,026	7.3	10.6%	14.2%	Link
VTP	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	111.0	-0.27%	0.0	13,554	61.4	3,235	34.4	6.0%	24.9%	
PNJ	Hàng cá nhân & Gia dụng	80.3	-0.25%	1.1	27,201	43.3	6,105	13.2	48.7%	18.6%	Link
TCM	Hàng cá nhân & Gia dụng	34.6	6.96%	0.9	3,295	152.4	2,869	11.3	50.0%	13.2%	
TNG	Hàng cá nhân & Gia dụng	19.5	5.98%	1.6	2,256	56.3	2,580	7.1	16.3%	17.0%	Link
DPM	Hóa chất	34.0	-1.02%	1.3	13,423	102.0	1,223	28.1	8.6%	4.3%	Link
GVR	Hóa chất	29.4	1.91%	1.6	115,400	148.3	1,174	24.6	0.8%	8.9%	
EIB	Ngân hàng	22.1	0.68%	1.0	40,794	652.2	1,856	11.8	4.3%	14.0%	Link
LPB	Ngân hàng	32.2	-0.92%	0.3	97,087	64.5	3,333	9.8	0.8%	23.7%	
NAB	Ngân hàng	17.4	-0.29%	0.0	23,951	26.5	2,809	6.2	1.8%	20.4%	
OCB	Ngân hàng	10.9	0.46%	1.0	26,754	45.9	1,189	9.1	19.2%	9.4%	Link
NKG	Tài nguyên Cơ bản	13.1	1.95%	1.7	5,751	152.7	1,122	11.5	5.3%	5.9%	Link
ANV	Thực phẩm và đồ uống	16.1	1.26%	1.6	4,220	43.5	612	25.9	0.8%	5.7%	
BAF	Thực phẩm và đồ uống	35.2	-0.71%	0.6	10,778	141.4	1,427	24.9	2.8%	12.2%	
SAB	Thực phẩm và đồ uống	49.5	0.00%	0.8	63,423	34.4	3,217	15.4	59.2%	17.2%	
VHC	Thực phẩm và đồ uống	58.4	3.91%	1.2	12,614	145.3	5,567	10.1	22.6%	14.4%	Link
BMP	Xây dựng và Vật liệu	142.6	-0.07%	0.7	11,682	29.6	13,288	10.7	85.7%	38.6%	Link
CTD	Xây dựng và Vật liệu	83.6	4.76%	1.4	7,974	223.5	3,238	24.6	47.7%	3.7%	Link
CTR	Xây dựng và Vật liệu	94.6	1.83%	1.3	10,626	47.2	4,754	19.5	8.8%	29.3%	
DPG	Xây dựng và Vật liệu	67.9	3.51%	1.7	4,133	98.3	3,738	17.6	8.3%	12.2%	
HHV	Xây dựng và Vật liệu	12.6	3.28%	1.4	5,780	231.6	1,097	11.1	7.5%	5.2%	Link
PC1	Xây dựng và Vật liệu	23.1	1.54%	1.3	8,136	107.2	1,237	18.4	16.7%	8.1%	Link
VCG	Xây dựng và Vật liệu	22.4	0.91%	1.2	13,738	292.7	988	23.2	7.0%	7.4%	
VGC	Xây dựng và Vật liệu	45.3	0.56%	1.5	20,176	58.1	2,720	16.6	5.8%	14.6%	

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logisitic, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

DANH SÁCH CÁC BÁO CÁO ĐẶC BIỆT BSC ĐÃ PHÁT HÀNH GẦN ĐÂY

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link báo cáo
1	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 05/2025_Phát triển kinh tế tư nhân, nội lực tăng trưởng mới	x		Click
2	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 04/2025_Cập nhật diễn biến cuộc chiến thuế quan 2025	x		Click
3	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 03/2025_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
4	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 02/2025_Thương chiến 2.0	x		Click
5	Triển vọng VMTT 2025_Đổi mới 2.0 - Thách thức và Cơ hội	x		Click
6	BSC_Hoạt động hút ròng Tín phiếu NHNN và thị trường chứng khoán	x		Click
7	BSC_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
8	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 12/2024	x		Click
9	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 11/2024	x		Click
10	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 10/2024	x		Click
11	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 9/2024	x		Click
12	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 8/2024	x		Click
13	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 6/2024	x		Click
14	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 5/2024	x		Click
15	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 4/2024	x		Click
16	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 3/2024	x		Click
17	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 2/2024	x		Click
18	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 1/2024	x		Click
19	BSC_Vietnam Macro Market Outlook 2024_VN_Cơ hội vượt lên thách thức		x	Click
20	Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2024		x	Click
21	Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2024		x	Click
22	Vietnam Sector Outlook_VN_1Q2024		x	Click
23	Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2024		x	Click
24	BSC_Báo cáo ngành điện		x	Click
25	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 11.2023	x		Click

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên BSC không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của BSC. Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của BSC.

© 2025 BIDV Securities Company, All rights reserved. Unauthorized access is prohibited.

Thông tin liên hệ - Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Trần Thăng Long
Giám đốc Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Longtt@bsc.com.vn

Bùi Nguyên Khoa
PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Vĩ mô – Thị trường
Khoabn@bsc.com.vn

Phan Quốc Bửu
PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Ngành – Doanh nghiệp
Buupq@bsc.com.vn

Nhóm vĩ mô thị trường

Vũ Việt Anh
Chuyên viên phân tích
Anhvv@bsc.com.vn

Trần Thanh Tùng
Chuyên viên phân tích
Tungtt1@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo
Chuyên viên phân tích
Thaopt1@bsc.com.vn

Nguyễn Giang Anh
Chuyên viên phân tích
Anhng@bsc.com.vn

Lưu Diễm Ngọc
Chuyên viên phân tích
Ngocld@bsc.com.vn

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: (024) 3935 2722
Fax: (024) 2220 0669

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh

Tầng 4 & 9 Tòa nhà President Place
Số 93 Đường Nguyễn Du, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. HCM
Tel: (028) 3821 8885
Fax: (028) 3821 8879

Trung tâm Phân tích nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(024) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(024) 39264 659

Đối với Khách hàng cá nhân
i-center@bsc.com.vn
(024) 39264 660

Website: <http://www.bsc.com.vn>